

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

khi Việt Nam đạt mốc 100 triệu dân

Anh Tuấn*

Tóm tắt:

Việt Nam đang chuẩn bị cho sự kiện đạt mốc 100 triệu dân. Cơ hội thị trường 100 triệu dân mở ra rất nhiều như nguồn lực lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, vị thế chính trị được nâng lên... Bên cạnh đó 100 triệu dân cũng tạo ra không ít thách thức khi số người tăng lên sẽ tạo áp lực về môi trường, tài nguyên, áp lực về y tế, giáo dục, an toàn, trật tự xã hội, về chính sách định cư, về nhu cầu lao động, đảm bảo an sinh... là những thách thức rất lớn đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta có những giải pháp thích ứng để phát huy tối đa sức mạnh, đồng thời tìm ra giải pháp tốt nhất để biến những thách thức thành cơ hội. Bài viết sẽ gợi mở ra những cơ hội, thách thức và các gợi ý chính sách khi Việt Nam đạt mốc 100 triệu dân.

1. Những cơ hội

Khi chạm cột mốc quy mô dân số 100 triệu và đang trong thời kỳ cơ cấu dân số vàng, về lý thuyết, Việt Nam đang nằm trong điểm son của khoảng thời gian tối ưu cực kỳ thuận lợi đối với phát triển kinh tế. Đây là những cơ hội rất lớn để cho Việt Nam bứt phá vươn lên.

1.1. Nguồn lao động dồi dào: Dân số lớn cũng đồng nghĩa với sự dồi dào của lao động. Việc có nhiều lao động giúp cho các doanh nghiệp có thể dễ dàng tuyển dụng nhân sự cho các vị trí cần thiết. Điều này tạo ra một lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trong việc thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào đất nước. Hơn nữa, chúng ta đang trong

thời kỳ cơ cấu dân số vàng, gần 70% dân số trong độ tuổi lao động. Theo quy luật, thời kỳ dân số vàng là cơ hội "có một không hai" để các quốc gia phát triển kinh tế - xã hội và cơ hội này chỉ xảy ra một lần trong lịch sử phát triển của các quốc gia.

Quy mô dân số những năm qua tăng tương đối ổn định, khoảng 1 triệu người/năm. Trong 33 năm qua dân số Việt Nam từ hơn 66 triệu (1990) lên 100 triệu (2023), tăng khoảng 34 triệu người, tương ứng tăng 151,5%. Trong bối cảnh cạnh tranh kinh tế toàn cầu, khi các nước đều coi nguồn nhân lực là lợi thế của quốc gia thì sự ra đời của công dân thứ 100 triệu là dấu mốc quan trọng, tạo cơ hội cho nước ta nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

*Viện Khoa học Thống kê

Bảng 1. Dân số bình quân Việt Nam giai đoạn 1990-2022

Đơn vị tính: Triệu người

Năm	Tổng số	Tỷ lệ tăng (%)	Thành thị	Nông thôn
1990	66,02	1,92	12,88	53,14
1991	67,24	1,86	13,23	54,01
1992	68,45	1,80	13,59	54,86
1993	69,64	1,74	13,96	55,68
1994	70,82	1,69	14,43	56,40
1995	71,99	1,65	14,94	57,06
1996	73,16	1,61	15,42	57,74
1997	74,31	1,57	16,84	57,47
1998	75,46	1,55	17,46	57,99
1999	76,60	1,51	18,08	58,52
2000	77,63	1,35	18,73	58,91
2001	78,62	1,27	19,30	59,32
2002	79,54	1,17	19,87	59,66
2003	80,47	1,17	20,73	59,74
2004	81,44	1,20	21,60	59,84
2005	82,39	1,17	22,33	60,06
2006	83,31	1,12	23,05	60,27
2007	84,22	1,09	23,75	60,47

2008	85,12	1,07	24,67	60,45
2009	86,03	1,06	25,58	60,44
2010	87,07	1,21	26,46	60,61
2011	88,15	1,24	27,68	60,47
2012	89,20	1,20	28,27	60,93
2013	90,19	1,11	28,87	61,33
2014	91,20	1,12	30,27	60,93
2015	92,23	1,12	30,88	61,35
2016	93,23	1,11	31,40	61,85
2017	94,29	1,11	31,93	62,36
2018	95,39	1,17	32,64	62,75
2019	96,48	1,15	33,82	62,67
2020	97,58	1,14	35,87	61,72
2021	98,51	0,95	36,56	61,94
2022	99,46	0,96	37,09	62,37

Nguồn: Trang web Tổng cục Thống kê và Báo cáo tình hình KT-XH năm 2022.

Theo Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA), Việt Nam hiện có tỷ lệ dân số trẻ cao nhất trong lịch sử đất nước, 21,1% tổng dân số là thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 10 đến 24. Thời kỳ dân số vàng của Việt Nam sẽ còn tiếp diễn đến năm khoảng 2039 với sự hiện diện của các nhóm dân số trẻ có năng suất lao động cao. Đồng thời có thể khai thác lợi thế về cơ cấu dân số để thúc đẩy tăng

trường kinh tế - xã hội hơn nữa. Tuy nhiên điều đáng lưu ý là xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh, Việt Nam là một trong các quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Những người từ 60 tuổi trở lên chiếm 11,9% tổng dân số vào năm 2019, nhưng năm 2022 con số này khoảng 13% và dự báo đến năm 2050 con số này sẽ tăng lên hơn 25%.

1.2. Tăng cường đà phát triển công nghiệp: Sự tăng trưởng dân số cũng có thể thúc đẩy phát triển công nghiệp, sản xuất, xây dựng và phát triển các dịch vụ kỹ thuật. Nguồn lực lao động dồi dào, dân số trong thời kỳ vàng, chính sách thu hút đầu tư hợp lý sẽ thu hút được những dòng vốn và nguồn đầu tư lớn để chúng ta có lựa chọn đối tác tốt, công nghệ xanh, thân thiện môi trường.

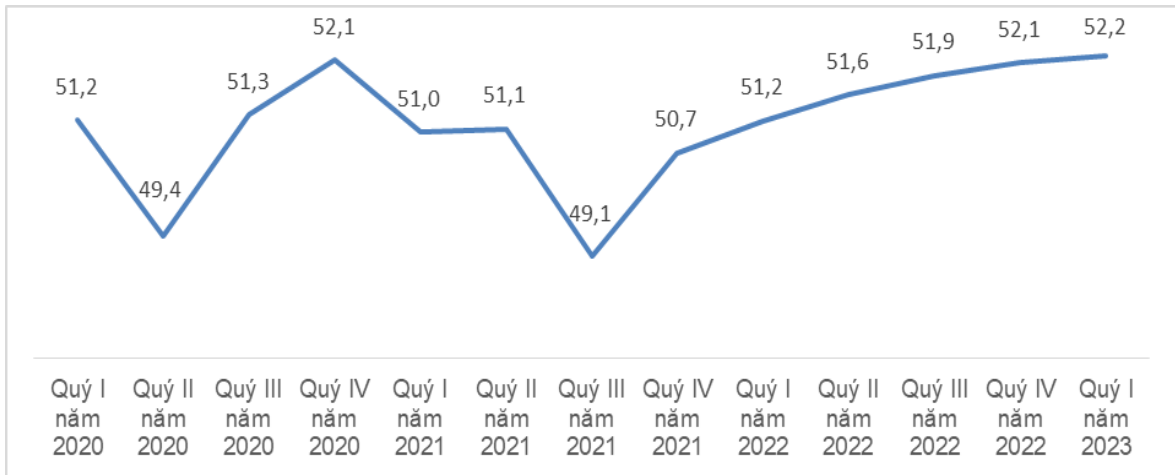
1.3. Tiềm năng thị trường tiêu thụ: Với mốc 100 triệu dân, Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippines) và đứng thứ 15 trên thế giới. Với dân số lớn, nhu cầu tiêu thụ của Việt Nam cũng tăng lên. Điều này tạo ra một thị trường tiêu thụ lớn và tiềm năng cho các sản phẩm và dịch vụ. Các doanh nghiệp sẽ có cơ hội để mở rộng quy mô sản xuất và cung ứng các sản phẩm đến một lượng khách hàng lớn hơn. Các nước cũng xem Việt Nam là một thị trường tiềm năng, dồi dào về tiêu thụ sản phẩm. Từ đó Việt Nam có được lợi thế về đầu tư, chính sách bán hàng, các phương pháp kinh doanh, sản xuất tiên tiến hiện đại sẽ được ưu tiên đầu tư giúp chúng ta nhanh tiếp cận với những tinh hoa của nhân loại.

1.4. Sự phát triển của ngành du lịch: Việc có một dân số lớn cũng đồng nghĩa với sự tăng trưởng của ngành du lịch. Với nhu cầu du lịch ngày càng tăng cao, Việt Nam có thể thu hút một lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Điều này tạo ra một lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam trong việc phát triển ngành du lịch. Với dân số tăng lên, nhu cầu du lịch của người dân cũng tăng cao, đồng thời xu hướng du lịch của người dân cũng thay đổi. Điều này tạo động lực cho ngành du lịch phát triển các điểm đến mới, như các điểm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa, v.v... Các điểm đến du lịch mới này sẽ thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, đồng thời tạo nguồn thu nhập mới cho cộng đồng địa phương và đóng góp vào phát triển kinh tế địa phương. Sau đại dịch Covid-19, ngành du lịch bắt đầu khởi sắc trở lại. Theo báo cáo tình hình KT-XH quý I năm 2023, tính chung quý I/2023, khách quốc tế đến nước ta ước đạt hơn 2.699,5 nghìn lượt người, gấp 29,7 lần cùng kỳ năm trước. Khách nội địa cũng tăng nhanh chóng, theo các công ty lữ hành lớn thì dịp nghỉ lễ 30/4, 01/5 hầu như các điểm du lịch lớn đã kín chỗ khách lưu trú.

1.5. Đội ngũ nhân lực trẻ: Với một dân số lớn, đội ngũ nhân lực trẻ cũng tăng lên. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên vẫn tiếp tục tăng, lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I năm 2023 là 52,2 triệu người, tăng 88,7 nghìn người so với quý trước và tăng hơn 01 triệu người so với cùng kỳ năm trước (Báo cáo thị trường lao động việc làm, quý I/2023, TCTK), tuy nhiên đang có xu hướng tăng chậm lại.

Hình 1. Lực lượng lao động theo quý, giai đoạn 2020 – 2023

Đơn vị tính: Triệu người



Nguồn: Báo cáo thị trường lao động việc làm, quý I/2023, TCTK

Điều này mang đến một số lợi ích cho đất nước, bao gồm sự năng động, sáng tạo và khả năng thích nghi nhanh với các thay đổi và thách thức của thế giới hiện đại. Điều này cũng sẽ giúp Việt Nam duy trì sự cạnh tranh trong kinh tế toàn cầu.

1.6. Sức mạnh chính trị: Với dân số lớn, Việt Nam cũng có sức mạnh chính trị tăng lên. Điều này giúp đất nước đàm phán và tham gia các thỏa thuận và hiệp định quốc tế một cách tự tin và hiệu quả hơn. Việc có một sức mạnh chính trị cũng giúp đất nước bảo vệ và đảm bảo quyền lợi của công dân và cộng đồng.

2. Những thách thức

Bên cạnh những cơ hội tốt được trình bày ở trên, khi dân số đạt 100 triệu cũng có không ít những thách thức và vấn đề phát sinh như sau:

2.1. Áp lực về tài nguyên: Việt Nam sẽ đối mặt với áp lực về tài nguyên như đất đai,

nước, năng lượng và thực phẩm. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải có một kế hoạch quản lý tài nguyên hiệu quả để đảm bảo rằng tài nguyên được sử dụng đúng cách và bền vững.

2.2. Áp lực về môi trường: Việt Nam cũng đối mặt với áp lực về môi trường như ô nhiễm không khí, nước và đất đai. Điều này đòi hỏi chính quyền phải có những chính sách bảo vệ môi trường và quản lý rủi ro để đảm bảo môi trường sống lành mạnh cho người dân.

2.3. Áp lực về hạ tầng cơ sở: Với dân số lớn, Việt Nam sẽ phải đối mặt với áp lực về hạ tầng cơ sở như giao thông đòi hỏi một mạng lưới giao thông hiệu quả để đáp ứng nhu cầu vận chuyển của người dân và hàng hóa. Các đô thị cần có hệ thống giao thông công cộng, đường bộ, đường sắt, và cảng biển phát triển để đảm bảo hoạt động buôn bán của nền kinh tế và đời sống của người

➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

dân. Hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, và các dịch vụ vệ sinh công cộng cần phải được cải thiện và phát triển để đáp ứng nhu cầu của dân cư đông đúc. Hệ thống năng lượng đảm bảo ổn định và đủ để phục vụ nhu cầu của dân cư và các ngành công nghiệp cũng là một thách thức đối với hạ tầng cơ sở. Hệ thống trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, thể thao, và các dịch vụ công cộng khác cần được phát triển và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của dân cư đông đúc. Đồng thời, đảm bảo tiếp cận công bằng và chất lượng của các dịch vụ công cộng giữa thành thị, nông thôn; giữa các vùng miền...

2.4. Áp lực về nhu cầu lao động: Với dân số lớn, lao động tăng lên sẽ đối mặt với áp lực về nhu cầu lao động và thị trường lao động. Khi dân số tăng lên, lực lượng lao động tăng đòi hỏi việc làm tăng theo, đây cũng là áp lực chính sách việc làm và đào tạo nghề phải có chính sách đào tạo và việc làm phù hợp để đáp ứng yêu cầu trình độ ngày càng cao hơn. Việt Nam hiện nay đang có mức năng suất lao động khá thấp. Thu nhập bình quân tháng của người lao động quý I năm 2023 là 7,0 triệu đồng. Trong số 52,2 triệu người lao động, có tới 73,6% lao động không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, 26,4% lao động có chuyên môn kỹ thuật. Cả nước hiện có khoảng 38,1 triệu người lao động chưa qua đào tạo (Báo cáo tình hình lao động việc làm, quý I/2023). Đây là thách thức lớn với khát vọng vươn lên hùng cường và lớn mạnh của đất nước trong thời gian tới. Điều này đòi hỏi cần có những chính sách phát triển nghề nghiệp, giáo dục và đào tạo để đảm bảo rằng người lao động có đủ kỹ năng và có thể đáp ứng được nhu cầu của các ngành kinh tế.

2.5. Áp lực về an ninh, trật tự: Dân số tăng lên cũng đối mặt với áp lực về an ninh

và trật tự như tội phạm, xâm nhập, khủng bố và các hoạt động phi pháp khác. Điều này đòi hỏi chính quyền cần có những chính sách an ninh và pháp luật hiệu quả.

2.6. Thách thức về đất đai: Nhu cầu sử dụng đất đai để xây dựng nhà cửa, sản xuất, công nghiệp sẽ tăng lên. Điều này gây ra áp lực lớn đối với đất đai, đặc biệt là ở các khu vực đông dân cư và sử dụng tài nguyên đất một cách bền vững. Hàng năm nước ta mất một lượng lớn đất nông nghiệp, đất rừng chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất sản xuất, đất ở, công trình công cộng...

2.7. Thách thức về sức khỏe và giáo dục: Việt Nam hiện nay đang quá tải ở tuyến trên về chăm sóc sức khỏe cho người dân, tỷ lệ giường bệnh và bác sĩ trên ngàn dân đang ở mức thấp. Theo dữ liệu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), năm 2019, số bác sĩ bình quân trên 1 vạn dân của Việt Nam là 8,8 người, Úc là 38 người, Pháp là 34 người, Mỹ là 26 và Trung Quốc là 22. Nhìn chung, chất lượng y tế tại Việt Nam được nâng cao, nhưng còn nhiều bất cập như số lượng và chất lượng nhân lực y tế phân bố không đồng đều giữa các vùng, các tuyến, giữa khám chữa bệnh và y tế dự phòng. Tỷ lệ điều dưỡng/bác sĩ thấp hơn nhiều so với mức trung bình trên thế giới, không đảm bảo chăm sóc người bệnh toàn diện. Với dân số ngày càng tăng thì áp lực lên chính sách y tế đòi hỏi phải nỗ lực nhiều hơn nữa.

2.8. Thách thức về chính sách định cư: Dân số lớn cũng đặt ra thách thức đối với chính sách định cư của Việt Nam. Chính quyền cần có các chính sách định cư phù hợp để đảm bảo rằng việc định cư được quản lý và điều tiết một cách hợp lý.

3. Một số gợi ý chính sách

Nhằm tận dụng tối đa lợi thế có được và hạn chế tối đa những thách thức khi dân số đạt 100 triệu dân, Việt Nam cần phải làm tốt một số nội dung sau:

3.1. Tăng cường bảo vệ tài nguyên và môi trường: Cần đầu tư vào các dự án bảo vệ tài nguyên và môi trường, đồng thời đưa ra các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sản xuất sạch, tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu chất thải.

3.2. Đầu tư vào cơ sở hạ tầng: Cần đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng như đường bộ, đường sắt, sân bay, cảng biển để đáp ứng nhu cầu của dân số.

3.3. Đưa ra các chính sách khuyến khích đầu tư vào khu vực nông thôn: Chính phủ có thể đưa ra các chính sách khuyến khích đầu tư vào khu vực nông thôn như giảm thuế, hỗ trợ vốn để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, từ đó giảm áp lực về đất đai và đô thị hóa.

3.4. Nâng cao chất lượng sức khỏe và giáo dục: Cần đầu tư vào hệ thống y tế và giáo dục để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3.5. Đưa ra các chính sách định cư phù hợp: Cần có các chính sách định cư phù hợp để quản lý và điều tiết việc định cư một cách hợp lý, giảm thiểu áp lực về đất đai và đô thị hóa.

3.6. Tăng cường an ninh và trật tự: Cần đầu tư vào lực lượng an ninh và trật tự để đảm bảo an toàn cho mọi người, đồng thời đưa ra các chính sách phù hợp để phòng chống tội phạm và tăng cường an ninh quốc gia.

Tóm lại, việc đạt mốc dân số 100 triệu dân mang đến nhiều cơ hội và lợi ích cho Việt Nam. Điều này tạo ra một thị trường tiêu thụ lớn và tiềm năng, một đội ngũ lao động dồi dào, một sự phát triển của ngành du lịch, đội ngũ nhân lực trẻ, nguồn lực thiên nhiên đa dạng và sức mạnh chính trị tăng lên. Tuy

nhiên, để tận dụng các cơ hội này, Việt Nam cũng đòi hỏi sự quản lý và sử dụng nguồn lực một cách bền vững và hiệu quả. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần giải quyết các thách thức liên quan đến chất lượng cuộc sống và môi trường, đảm bảo rằng dân số lớn không gây áp lực lên các nguồn lực và môi trường sống của đất nước.

Để làm được điều đó, Việt Nam cần đưa ra các chính sách và kế hoạch phù hợp để quản lý và sử dụng nguồn lực, phát triển các ngành kinh tế có tính cạnh tranh cao và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, cần có các chương trình giáo dục và đào tạo để đảm bảo rằng đội ngũ lao động Việt Nam được trang bị đầy đủ kỹ năng và kiến thức để đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế hiện đại.

Cuối cùng, việc đạt mốc dân số 100 triệu dân là cơ hội để Việt Nam phát triển và trở thành một quốc gia giàu mạnh. Tuy nhiên, để tận dụng được cơ hội này, Việt Nam cần có một chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo rằng sự phát triển kinh tế và xã hội được đồng bộ và không gây hại đến môi trường và sức khỏe con người. Nếu làm được điều đó, Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển và góp phần vào sự phát triển của khu vực và thế giới.

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo tình hình thị trường lao động việc làm, quý I năm 2023*;
2. Tổng cục Thống kê (2023), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2022*;
3. Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2023), *Dân số Việt Nam cán mốc 100 triệu vào năm 2023 – Một cột mốc quan trọng*, truy cập ngày 20/4/2023, từ <<https://www.unfpa.org/data/VN>>;
4. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2019), *Số liệu thống kê y tế các nước năm 2019*.